

MÀU NHIỆM BA NGÔI TRONG BƯỚC CHUYỂN THẦN HỌC KITÔ GIÁO

Tóm tắt: Theo Kinh thánh, Chúa có ba ngôi nhất thể: ba ngôi vị khác nhau về vai trò và chức năng nhưng thống nhất với nhau về bản thể và mục đích. Đó là Màu nhiệm Ba Ngôi. Đây là một chủ đề lớn cho cả khoa học lẫn thần học trong suốt chiều dài lịch sử kể từ khi xuất hiện Kitô giáo. Bài viết này tìm hiểu Màu nhiệm Ba Ngôi theo các khía cạnh nói trên, phân tích và giải thích tại sao Chúa lại có ba ngôi nhất thể như vậy.

Từ khóa: Màu nhiệm, Ba Ngôi, Kitô giáo, Công giáo, logic, thần học, giáo hội.

1. Về thuật ngữ “Màu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi”

Trước hết, cần phải làm rõ tên gọi cho các tôn giáo về Chúa. Thật ra, chỉ có một tôn giáo duy nhất về Chúa, nhưng tôn giáo này bị phân hóa thành nhiều nhánh khác nhau làm cho tất cả các nhánh đó đều được gọi tên chung thành “các tôn giáo về Chúa”. Theo ngôn ngữ Israel, Christ (thường được chuyển dịch sang Việt ngữ thành Chúa) có nghĩa là Tẩy rửa; Jesus có nghĩa là Cứu độ hoặc Cứu vớt; Jesus Christ (Chúa Cứu độ hoặc Chúa Cứu vớt) có nghĩa là “Tẩy rửa Cứu vớt” hoặc “Cứu vớt bằng Tẩy rửa”. Vì xác lập “Màu nhiệm Ba Ngôi” (Trinité) nên Jesus Christ phải được hiểu sát nghĩa nhất là “Tẩy rửa Cứu vớt bằng Màu nhiệm Ba Ngôi”. Vậy từ đó có thể suy ra rằng, *Christianity* (thường được chuyển dịch sang Việt ngữ thành Kitô giáo hoặc *Thiên Chúa giáo*) là tôn giáo tẩy rửa tâm hồn cho nhân loại bằng Màu nhiệm Ba Ngôi được xác lập bởi Chúa Jesus làm cho nhân loại thoát khỏi đời sống đã man như ma quỷ vốn được ẩn dụ thành Địa ngục để được sống đời sống thánh thiện như thiên thần, vốn được ẩn dụ thành Thiên đàng.

Vì Kinh Thánh nói Chúa ở mọi nơi vào mọi lúc nên *Christianity* trong Anh văn cũng như nguyên gốc Latinh hoặc *Christianisme* trong Pháp ngữ

* Cử nhân Triết học, Giáo viên trường Trung học Phổ thông Chương Mỹ B, Hà Nội.

cần phải được chuyển dịch sang Việt ngữ thành *Chúa giáo* mới thật sát nghĩa làm cho danh xưng này được Việt hóa hoàn toàn, hoặc cứ gọi bằng nguyên gốc Latinh đã được Việt hóa thành Kitô giáo cũng được để giữ nguyên mối liên hệ lịch sử giữa chữ viết Việt Nam với chữ viết Latinh, nếu chuyển dịch Christianity hoặc Christianisme thành Thiên Chúa giáo thì “Thiên Chúa giáo” không thể hiện được hết ý nghĩa đích thực cho “Christianity” hoặc “Christianisme”, vì Thiên Chúa chỉ có nghĩa là Chúa Trời nên danh xưng này dễ làm cho người ta hiểu sai rằng Chúa chỉ có ở trên Trời, hiểu như vậy rất sai lạc so với Kinh Thánh. Tức là trong quan hệ ý nghĩa với “Christianity” hoặc “Christianisme”, Chúa giáo cũng như Kitô giáo sát nghĩa hơn nhiều so với Thiên Chúa giáo. Bởi lẽ, nếu Thiên Chúa giáo chỉ cho thấy Chúa ở trên Trời thì Chúa giáo cũng như Kitô giáo lại phải cho thấy Chúa ở mọi nơi vào mọi lúc (cả trên Trời lẫn dưới Đất, cả trong Ta lẫn ngoài Ta, cả không gian lẫn thời gian, v.v.). Đó chính là lý do để tôi chỉ nói “Chúa giáo” hoặc “Kitô giáo” mà không nói “Thiên Chúa giáo” như nhiều người vẫn nói như vậy. Trong bài viết này, tôi sẽ chỉ dùng nguyên gốc Latinh đã được Việt hóa, tức là Kitô giáo.

Mầu nhiệm Ba Ngôi thể hiện phổ biến nhất qua *Kinh Dấu Thánh giá* với nội dung ngắn gọn như sau: “*Nhân danh Cha, và Con, và Thánh thần, Amen*”. Vừa đọc to hoặc đọc nhẩm vừa dùng tay phải chạm lên trán, ngực và vai trái rồi vai phải tạo thành một hình chữ thập. Kinh Dấu Thánh giá kết thúc bằng việc chấp hai tay ở trước ngực, hoặc hôn bàn tay làm dấu thánh giá. Dấu Thánh giá là một cử chỉ thông dụng nhất để tuyên xưng đức tin Kitô giáo. Các Kitô hữu (Christians) thường làm dấu Thánh giá để nói lên niềm tin vào công cuộc cứu độ đối với loài người được thực hiện bởi Chúa Jesus khiến Ngài phải chịu chết trên thập giá¹.

Tuy nhiên, Mầu nhiệm Ba Ngôi chỉ thể hiện rõ ràng nhất qua *Kinh Tin kính* (tiếng Latinh: *Symbolum Apostolorum* hoặc *Symbolum Apostolicum*) được xem là một lời tuyên bố đức tin Kitô giáo ngay từ thời sơ khai. Kinh này được sử dụng rộng rãi trong hầu hết các giáo phái thuộc về Kitô giáo như: Công giáo, Tân giáo (Tin Lành), Anh giáo, Chính Thống giáo, v.v... Kinh Tin kính có nội dung đầy đủ như sau:

Bản Latinh:

Credo in Deum Patrem omnipotentem, Creatorem caeli et terrae,
et in Iesum Christum, Filium Eius unicum, Dominum nostrum,

qui conceptus est de Spiritu Sancto, natus ex Maria Virgine,
 passus sub Pontio Pilato, crucifixus, mortuus, et sepultus,
 descendit ad íferos, tertia die resurrexit a mortuis,
 ascendit ad caelos, sedet ad dexteram Patris omnipotentis,
 inde venturus est iudicare vivos et mortuos.

Credo in Spiritum Sanctum,
 sanctam Ecclesiam catholicam, sanctorum communionem,
 remissionem peccatorum,
 carnis resurrectionem,
 vitam aeternam.
 Amen.

Bản dịch tiếng Việt:

Tôi tin kính Đức Chúa Trời là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất.

Tôi tin kính Đức Chúa Jesus là Con Một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi;

bởi phép Đức Chúa Thánh thần mà Người xuống thai, sinh bởi Bà Maria đồng trinh

chịu nạn đời quan Phongxiô Philatô (Pontio Pilato), chịu đóng đinh trên cây Thánh giá, chết và táng xác;

xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại;

lên Trời ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng;

ngày sau bởi Trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh thần.

Tôi tin Hội Thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công.

Tôi tin phép tha tội.

Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại.

Tôi tin hằng sống vậy.

Amen².

Trong *Giáo lý Công giáo*, có câu hỏi số 39 được đặt ra như sau: Mầu nhiệm Trung tâm của Đức tin và Đời sống Kitô giáo là gì? Câu hỏi này

đã được trả lời rằng: Mẫu nhiệm Trung tâm của Đức tin và Đời sống Kitô giáo là Mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi (sau đây Mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi sẽ được gọi tắt thành *Mẫu nhiệm Ba Ngôi*).

Một câu hỏi quan trọng được đặt ra ở đây là tại sao Mẫu nhiệm Ba Ngôi lại được lấy làm Mẫu nhiệm Trung tâm cho Đức tin và Đời sống Kitô giáo? Câu hỏi này được đặt ra song song với một câu hỏi khác: Tại sao Chúa lại có ba ngôi vị mà không thể hơn cũng như không thể kém? Sự song hành như vậy làm cho cả hai câu hỏi đó có cùng một câu trả lời chung: câu trả lời cho câu hỏi này cũng là câu trả lời cho câu hỏi kia.

Chắc chắn phải có những nguyên nhân nào đó cực kỳ quan trọng làm cho Mẫu nhiệm Ba Ngôi được lấy làm Mẫu nhiệm Trung tâm cho Đức tin và Đời sống Kitô giáo. Những nguyên nhân đó có thể là: *thứ nhất*, do yêu thương nhân loại như cha mẹ yêu thương con cái nên Chúa thể hiện mình thành *ba* ngôi vị nhằm gợi mở cho nhân loại cần phải biết suy nghĩ bằng *Tam đoạn luận*, tức là *lập luận bằng ba mệnh đề*, để tránh sai lầm trong nhận thức, cũng tức là tránh sa ngã vào tội lỗi (triết lý Kitô giáo xác quyết chính xác rằng mọi tội lỗi đều bắt nguồn từ sự ngu dốt, tức là nhận thức sai lầm). Tam đoạn luận được xác lập bởi Aristotle ở Hy Lạp vào thời cổ đại nhằm giúp hoạt động nhận thức tuân thủ hoặc tránh vi phạm các quy tắc logic để nhân loại khám phá chân lý, cũng tức là nhận biết Chúa. Các quy tắc logic bao gồm: (1) Quy tắc đồng nhất; (2) Quy tắc nhất quán; (3) Quy tắc loại trừ; (4) Quy tắc khách quan. Khoa học hiện đại từ thế kỷ XX bổ sung thêm *quy tắc bao hàm* nhằm khắc phục nhược điểm cho quy tắc loại trừ vốn có *tính chất cực đoan*. Cần nhớ rằng *Ngôi Lời* có thể liên quan với *Logos* mà *Logos* lại làm khởi nguồn cho Logic.

Thứ hai, hoạt động nhận thức luôn luôn được phân chia thành ba lĩnh vực khác nhau nhằm theo đuổi ba đối tượng tương ứng: Chân - Thiện - Mỹ. Chân tức là chân lý làm đối tượng cho *Khoa học*. Thiện tức là giá trị tích cực cho đạo đức làm đối tượng cho *Tôn giáo*. Mỹ tức là cái đẹp làm đối tượng cho *Nghệ thuật*. Ba lĩnh vực đó quan hệ bình đẳng với nhau hợp thành tam giác đều vừa có ba góc bằng nhau vừa có ba cạnh bằng nhau nhằm *loại bỏ mọi cái xấu ác đối với nhân loại*, không cái nào hơn cái nào cũng như không cái nào kém cái nào. Thái độ đúng đắn không cho phép người ta coi trọng cái này hơn cái kia hoặc xem nhẹ cái này hơn cái kia cũng như không thể áp đặt cái này cho cái kia. Mọi *tư tưởng xấu*

ác đối với nhân loại đều phải bị loại bỏ, ngay cả các tôn giáo có tư tưởng cực đoan cũng phải bị loại bỏ hoặc ít nhất cũng phải bị xem như tôn giáo giả ngụy. Do yêu thương nhân loại nên Chúa thể hiện mình thành ba ngôi vị nhằm ngăn ngừa mọi cái xấu ác đến với nhân loại.

Thứ ba, thế giới bao gồm mọi sự vật, kể cả nhân loại, luôn luôn có mâu thuẫn giữa hai mặt đối lập đòi hỏi phải được điều hòa bởi *mặt thứ ba* để hai mặt đối lập không thể tiêu diệt lẫn nhau mà có thể bổ sung cho nhau hoặc làm tiền đề tồn tại cho nhau, tránh bùng nổ xung đột mà tiêu vong. Nếu có hai người bất đồng quan điểm dẫn đến tranh cãi với nhau thì phải có *người thứ ba* làm trọng tài để phân xử tranh chấp nhằm ngăn ngừa xung đột giữa hai người kia, “người thứ ba” *không thể chỉ có một người mà phải có ít nhất ba người để tránh thiên vị*. Từ đó suy ra xã hội phải có *nhà nước pháp quyền* để ngăn ngừa xung đột xã hội. Nhà nước này không thể chỉ có một cơ quan duy nhất mà phải có ba cơ quan khác nhau: *lập pháp, hành pháp* và *tư pháp*, độc lập với nhau về *cơ chế* hoặc *nhân sự* nhưng phải thống nhất với nhau về *ý chí* hoặc *mục đích* để ngăn ngừa việc lạm dụng quyền lực nhà nước gây hại cho xã hội. Nhân loại có *bản tính vị kỷ* (ích kỷ, tư lợi và tham lam), sẵn sàng làm hại lẫn nhau, cũng tức là bất kính với Chúa. Do yêu thương nhân loại nên Chúa thể hiện mình thành ba ngôi vị nhằm gợi mở cho nhân loại biết hành xử theo pháp luật được quy định chung, đồng thời được bảo đảm thi hành bởi nhà nước pháp quyền.

Có lẽ chính các nguyên nhân đó, trong đó nguyên nhân thứ ba biểu hiện trực tiếp có thể tác động mạnh nhất, làm cho Chúa chỉ thể hiện thành *ba ngôi vị* mà không thể nhiều hơn cũng như không thể ít hơn để bảo tồn nhân loại khỏi bị diệt vong.

Trong bộ môn hình học có một hình đặc biệt: *hình tứ diện đều*. Hình này có bốn mặt giống hệt nhau, đó là hình tam giác đều, cả bốn hình tam giác này bằng nhau về mọi phương diện: cả cạnh lẫn góc, đều tiếp xúc với một hình cầu nội tiếp tại trung điểm qua một đường thẳng vuông góc với chúng làm thành bán kính cho hình cầu kia, tạo nên sự toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ, có thể bao hàm mọi hình khác. Bất cứ cái gì có cấu trúc như vậy cũng bền vững nhất đều thể hiện Mầu nhiệm Ba Ngôi khiến người ta càng hiểu biết, càng xác tín vào Kitô giáo. Không phải ngẫu nhiên mà các học giả lớn, như Albert Einstein (1879 - 1955), tin rằng chính Chúa làm *mục đích tối hậu* cho *hoạt động nhận thức*.

2. Mẫu nhiệm Ba Ngôi trong mấy thế kỷ gần đây ở Châu Âu

Vào thời Trung cổ, nền chuyên chế thần quyền ở Phương Tây đã làm suy giảm cảm hứng tìm hiểu *Mẫu nhiệm Ba Ngôi* bằng câu chuyện về Thánh Augustin nghe thấy Thiên thần hiện thân thành một em bé khuyến cáo rằng đừng nhọc công suy nghĩ về một mẫu nhiệm vượt quá trí khôn nhân loại, tức là Mẫu nhiệm Ba Ngôi. Câu chuyện đó ít nhiều đã cho thấy thái độ bài bác đối với việc tìm hiểu Mẫu nhiệm Ba Ngôi bằng khoa học. Tuy nhiên, Thánh Augustin vẫn suy tư về Mẫu nhiệm Ba Ngôi bằng thần học để rồi trở thành một trong những nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất trong Giáo hội Công giáo³. Cũng không nên quên rằng chính nền chuyên chế thần quyền đã cấm cản nghiêm khắc việc truyền bá cho Aristotle vốn bị xem như rất nguy hiểm đối với nền chuyên chế đó⁴. Một sự thể quan trọng cũng cần phải được nhắc lại ở đây: chính nền chuyên chế thần quyền đã gây ra ít nhất hai lần ly giáo: Lần thứ nhất, Công giáo tách khỏi Chính Thống giáo; lần thứ hai, Tin Lành tách khỏi Công giáo.

Đến thời Khai sáng từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XVIII, Kitô giáo bị đánh một đòn đau đớn đầy oan khuất bởi Jean-Jacques Rousseau (1712 - 1778) làm cho Mẫu nhiệm Ba Ngôi càng không được quan tâm tìm hiểu đúng mức mà vẫn chỉ được giải thích hời hợt theo những giáo điều kinh viện để trở nên khó hiểu hơn.

Trào lưu Khai sáng đã đặt một dấu mốc chói lọi trong lịch sử tư tưởng của nhân loại kể từ khi xuất hiện Kitô giáo⁵. Với nhiều thành tựu rực rỡ khai sáng trí tuệ cho nhân loại làm cho nhân loại bừng tỉnh sau đêm dài Trung cổ, trào lưu này đã đặt nền tảng triết lý cho cách nhìn lành mạnh về Kitô giáo thể hiện điển hình qua Charles de Secondat Montesquieu (1689 - 1755). Khi Montesquieu viết “*Tinh thần Pháp luật*” từ năm 1741 đến năm 1748, trong đó *cơ chế phân lập* giữa ba quyền lực khác nhau: *lập pháp, hành pháp và tư pháp*, đã được xác lập rõ ràng có thể cho phép người ta giải thích Mẫu nhiệm Ba Ngôi bằng khoa học⁶, nhưng J. J. Rousseau lại trở thành một ngoại lệ đặc biệt khi gán những đặc tính tiêu cực cho chính Kitô giáo trong khi gán vai trò tích cực cho giáo dục mà có vẻ như không cảm thấy giáo dục cũng phải thực hiện sứ mệnh khai sáng y hệt như Kitô giáo.

Cần chú ý rằng những lạm dụng xảy ra phổ biến ở Phương Tây vào thời Trung cổ (việc xuyên tạc Kinh Thánh cùng với việc truy bức những tiếng nói bất đồng như Nicolaus Copernicus (1473 - 1543) cũng như

Galileo Galilei (1564 - 1642), v.v., nhằm bảo vệ quyền thống trị cho một số ít giáo sỹ nào đó) không hề bắt nguồn từ Giáo lý Kitô giáo mà chỉ bắt nguồn từ nền chuyên chế thần quyền nhân danh Kitô giáo với cả ba quyền lực khác nhau: *lập pháp*, *hành pháp* và *tư pháp*, đều được tập trung cả vào một hoặc một số ít người nào đó nhân danh *Chúa* để không chỉ có nhân loại bị đày đọa trong nền chuyên chế thần quyền mà ngay cả *Chúa* cũng bị đày đọa (bị bóp méo hoặc bị xuyên tạc) trong nền chuyên chế đó, những luận điệu xuyên tạc về Kitô giáo dù nhằm lạm dụng Kitô giáo hay nhằm phỉ báng Kitô giáo cũng đều chỉ phát sinh từ chính nền chuyên chế thần quyền theo nhiều cách khác nhau mà nhiều khi có vẻ như không liên quan gì với nền chuyên chế đó.

Giáo lý Kitô giáo vốn lấy Mâu nhiệm Ba Ngôi làm trọng tâm về thực chất không chỉ mâu thuẫn với nền chuyên chế thần quyền mà còn mâu thuẫn với mọi nền chuyên chế nói chung⁷. Tuy nhiên, J. J. Rousseau đã không nhìn nhận như vậy mà lại nhìn nhận trái ngược hẳn. Trong *Bàn về Khế ước xã hội*, J. J. Rousseau không chỉ phớt lờ Mâu nhiệm Ba Ngôi mà còn đã kích thích liệt Kitô giáo bằng việc quy chụp tôn giáo này thành một hệ tư tưởng chuyên chế⁸. Nương theo việc đã kích quy chụp như vậy, Cách mạng Pháp 1789 vốn chủ yếu lấy cảm hứng tinh thần từ J. J. Rousseau đã tiêu diệt oan khiên nhiều giáo sỹ Kitô giáo rồi mở đường cho làn sóng vô thần nổi lên khắp thế giới để sang thế kỷ XIX, Charles Darwin (1809 - 1882) đưa ra *tiến hóa luận* đầy tính chất duy vật nhưng cũng đầy lỗ hổng về mặt khoa học⁹ làm cho thái độ bài bác đối với Kitô giáo càng được xác quyết mạnh mẽ hơn với nhiều hệ lụy khôn lường biểu hiện thực tế thành các phong trào chính trị theo khuynh hướng cực đoan từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, trong đó hình mẫu điển hình nhất phải thuộc về Phong trào Fascist.

Charles Darwin không hẳn đã vô thần khi viết: Quan niệm về sự sống này [tức là *tiến hóa luận* - TG] có vài điểm mạnh, vì khởi nguyên được Đấng Tạo hóa truyền hơi thở vào một vài hay một thể sống đơn giản nhất. Từ một sự bắt đầu đơn giản đó đã và đang tiến hóa ra vô số những sinh thể đẹp và kỳ diệu nhất trong khi hành tinh này vẫn xoay vần theo định luật hấp dẫn cố định¹⁰. Nhưng chính C. Darwin đã đóng góp một phần quan trọng vào nền tảng duy vật cho *chủ nghĩa vô thần* (Atheism) để rồi tiến hóa luận đã bị lạm dụng tàn nhẫn nhằm vào mục đích xấu bởi cả chủ nghĩa sô vanh (Chauvinism) vào cuối thế kỷ XIX lẫn chủ nghĩa

phát xít (Fascism) vào đầu thế kỷ XX. Người ta lên án chủ nghĩa phát xít đã áp dụng sai lầm tiến hóa luận vào lĩnh vực chính trị để gây ra quá nhiều tội ác ghê sợ nhưng cần phải hiểu rằng chính tiến hóa luận đã xác lập nền tảng triết lý cho việc áp dụng sai lầm như thế. C. Darwin không phủ nhận Thượng đế tạo nên sự sống nhưng chắc chắn đã phủ nhận Thượng đế bảo tồn sự sống bằng *Mẫu nhiệm Ba Ngôi*, tức là quay về Cựu Ước nhưng rời xa Tân Ước, để cuối đời lại tỏ ra hối hận chân thành¹¹. Vì tiến hóa luận bác bỏ Mẫu nhiệm Ba Ngôi nên C. Darwin đã phải hối hận như vậy cũng như tiến hóa luận đã bị lạm dụng nhằm vào mục đích xấu bởi cả chủ nghĩa sô vanh lẫn chủ nghĩa phát xít. Cũng chính vì có nhiều lỗ hổng về mặt khoa học làm cho tiến hóa luận dễ bị lạm dụng nhằm vào mục đích xấu nên từ cuối thế kỷ XIX trở đi, tiến hóa luận được uốn nắn thích đáng bởi *Di truyền học* (genetics) vốn đi liền với những trí tuệ lớn, như Gregor Johann Mendel (1822 - 1884), Francis Harry Compton Crick (1916 - 2004), Maurice Hugh Frederick Wilkins (1916 - 2004), James Dewey Watson (sinh năm 1928), làm cho tiến hóa luận mất dần thái độ ngạo mạn đối với Thượng đế để J. J. Rousseau cần phải được xem xét lại thật thấu suốt.

Trong khoảng thời gian từ cuối thế kỷ XVIII đến cuối thế kỷ XIX, do ảnh hưởng tư tưởng từ J. J. Rousseau nên nước Pháp trải qua nhiều biến động dữ dội, bao gồm Cách mạng 1789 - 1794, Chiến tranh Âu châu được gây ra bởi Napoléon Bonapartes (1769 - 1821) sau khi khôi phục nền chuyên chế phong kiến cho nước Pháp vào năm 1799, Cách mạng tháng Bảy 1835, Cách mạng tháng Hai 1848, Công xã Paris 1871, v.v., khiến nước Pháp đổ máu quá nhiều. Sau những biến động đó, nước Pháp vội vã khôi phục vai trò chính đáng cho Kitô giáo, đa số trí thức bắt đầu từ bỏ J. J. Rousseau để quay trở về với Chúa bằng một sự thức tỉnh cần thiết. Để làm được việc đó, nước Pháp phải *tư duy lại* về Kitô giáo trong khoảng một thế kỷ. Quả thật, chính Alexis de Tocqueville (1805 - 1959) đã giải thích được chính xác tại sao cách mạng dân chủ nổ ra trước hết ở các nước theo Kitô giáo¹². Giải thích được chính xác như vậy chẳng qua chỉ khẳng định gián tiếp rằng tinh thần dân chủ có thể song hành với Kitô giáo. Hơn cả A. de Tocqueville, V. Hugo (1802 - 1885) còn thể hiện mặc định rằng, chủ nghĩa nhân văn (humanism/ humanisme) đồng nhất với Kitô giáo. Hầu hết các kiệt tác văn học, như *Nhà thờ Đức Bà Paris* (1831) hoặc *Những người khốn khổ* (1862), v.v., đều cho thấy rõ điều đó. Chủ nghĩa lãng mạn Pháp vốn được khai sinh theo chủ nghĩa không tưởng bởi J. J.

Rousseau nhưng về sau lại được uốn nắn theo chủ nghĩa nhân văn bởi chính V. Hugo nhờ tiếp nhận cảm hứng tinh thần từ Kitô giáo.

Việc tư duy lại về Kitô giáo còn thể hiện sinh động qua các cuộc đối thoại niềm tin giữa các trí thức lớn với giới trẻ diễn ra vào thế kỷ XIX, trong đó có thể kể đến cuộc đối thoại niềm tin giữa André-Marie Ampère (1775 - 1836) với Antoine-Frédéric Ozanam (1813 - 1853) hoặc cuộc đối thoại niềm tin giữa Louis Pasteur (1822 - 1895) với một sinh viên trẻ, v.v.¹³. Chính những cuộc đối thoại đó đã trở thành điều kiện tốt cho thần học nổi lên và đạt được nhiều thành tựu ngoạn mục vào thế kỷ XX cho thấy Kitô giáo không những không mâu thuẫn với khoa học mà còn có thể đồng hành với khoa học. Chính A. Einstein đã chứng minh được rằng: “Cảm xúc đẹp nhất và sâu xa nhất của nhân loại là cảm xúc trước sự huyền bí. Chính cảm xúc này đã khiến cho khoa học chân chính nảy nở. Nếu ai không còn có những cảm xúc đó, không còn biết ngạc nhiên và chỉ biết đứng ngẩn người ra vì sợ hãi thì sống cũng như chết. Cảm thấy điều huyền bí mà nhân loại không sao giải thích nổi, vì nó chỉ biểu lộ ra khi mà khả năng ít ỏi đáng buồn của chúng ta chỉ hiểu được những hình thức thấp kém của cái quy luật cao siêu dưới vẻ đẹp rạng rỡ hơn hết. Chính sự hiểu biết đó và cảm xúc đó đã là nền tảng đích thực của tôn giáo”¹⁴. A. Einstein còn nói về mối quan hệ giữa khoa học với tôn giáo, rằng: “Khoa học mà thiếu tôn giáo thì khập khiễng. Tôn giáo mà thiếu khoa học thì mù quáng” (Science without religion is lame. Religion without science is blind), tức là khoa học phải dựa vào tôn giáo mới trở nên chắc chắn cũng như tôn giáo phải được soi sáng bởi khoa học mới trở nên minh triết. Tất nhiên, tôn giáo được nói đến ở đây chỉ bao gồm những tôn giáo ôn hòa, trong đó có Kitô giáo. Quả thật, câu nói kia đặc biệt đúng với Kitô giáo. Mọi suy tư lành mạnh đều không được phép lợi dụng A. Einstein nói về tôn giáo để đề cao một tôn giáo này hoặc hạ thấp một tôn giáo khác. Dù ông phát biểu như thế nào về bất cứ tôn giáo nào cũng khiến người ta phải thận trọng để có thể nhận thấy những lời tán tụng về Phật giáo được nói ra bởi A. Einstein lại chỉ đúng đặc biệt với Kitô giáo. Chính giả thuyết về “Big Bang” đã chứng thực rõ ràng như vậy mặc dù Phật giáo cũng tốt lành như Kitô giáo hoặc cũng có thể tương đồng với Kitô giáo về một khía cạnh nào đó, như Tính Không chẳng hạn vốn được khẳng định *tồn tại cố định* hoặc *tồn tại bất biến* chẳng khác gì *Mâu nhiệm Ba Ngôi*.

Sự đồng hành giữa khoa học với Kitô giáo có lẽ được thể hiện đẹp nhất bởi Định lý Bất toàn (Incompleteness Theorem). Định lý này được chứng minh chính xác vào năm 1931 bởi Kurt Gödel (1906 -1978) khi ông phát biểu rằng: 1/ Nếu một lý thuyết nào dựa trên một hệ tiên đề phi mâu thuẫn thì trong lý thuyết đó luôn luôn tồn tại các mệnh đề không quyết định được: không thể chứng minh được mà cũng không thể bác bỏ được; hoặc 2/ Không tồn tại bất cứ một quy trình suy diễn nào cho phép chứng minh tính chất phi mâu thuẫn cho một hệ tiên đề¹⁵. Định lý này vừa khẳng định khả năng nhận thức mang tính chất hữu hạn ở nhân loại, vừa thừa nhận chỉ duy nhất Chúa hoàn hảo siêu việt vượt ra khỏi logic thông thường. Với vai trò độc đáo làm một chân lý duy nhất mang tính chất tuyệt đối, Định lý Bất toàn hiện thân cho ý niệm tuyệt đối về Chúa. Trong bài giảng đặc biệt về Định lý Bất toàn, Perry Marshall khẳng định: “... chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi thấy đại đa số dân chúng trên thế giới tin vào Chúa theo một cách nào đó. Thật vậy, đó là trực giác đối với phần lớn các dân tộc. Nhưng Định lý Bất toàn chỉ ra rằng, đó cũng là logic tối cao. Thật ra, đó là lập trường duy nhất mà người ta có thể nắm lấy rồi đứng trên đó trong vương quốc của lý lẽ và logic,... Không có thời kỳ nào trong lịch sử nhân loại, niềm tin vào Chúa lại trở nên có lý hơn, logic hơn, hoặc hoàn hảo hơn bằng khi nó được hỗ trợ bởi khoa học và toán học”¹⁶. Chính Kurt Gödel đã thốt lên rằng: Lạy Chúa, cái mê cung mới khổng lồ làm sao (My God, the mazes must be enormous)¹⁷. Lời thán này làm ta nhớ đến Pierre Simon de Laplace (1749 - 1827) cũng đã từng thốt lên: Cái ta biết thì quá ít ỏi, cái ta không biết thì mênh mông (Ce que nous savons est peu de choses, ce que nous ignorons est immense)¹⁸. Nhưng P. S. Laplace chỉ nói như một tâm sự triết lý, trong khi K. Gödel nói như một khẳng định khoa học. Đó không phải là chủ nghĩa bất khả tri (Agnosticism), mà là khoa học về giới hạn của nhận thức.

Nguyên nhân nào làm cho thần học trỗi dậy để đạt được những thành tựu ngoạn mục chưa từng có như vậy trước đó? Ảnh hưởng tinh thần từ cuộc cách mạng khoa học vào đầu thế kỷ XX hay những hậu quả thảm khốc biểu hiện thành xung đột xã hội phát sinh từ chính thể chuyên chế tại các nước công nghiệp? Liệu chỉ có hai tác nhân đó cùng tác động hay còn thêm nguyên nhân nào nữa tác động để thần học đạt được những thành tựu kia? Chưa ai biết, nhưng ít ra có một thực tế hiển nhiên không thể phủ nhận được, đó là chưa bao giờ nhân loại phải đối mặt với nhiều nguy cơ nghiêm trọng có thể hủy diệt nhân loại như nửa đầu thế kỷ XX

làm cho nhân loại phải đối mặt thường trực với cái chết. Phải chăng chính cái chết thúc đẩy mạnh mẽ nhu cầu về thần học làm cho thần học trở lại đầy mạnh mẽ như thế? Thật khó mà tìm được câu trả lời khác thuyết phục hơn!

Quả thật, trong khoảng thời gian giữa hai cuộc Chiến tranh Thế giới, nỗi lo lắng trước cái chết đã thôi thúc người ta suy nghĩ nhiều bằng Chính trị học nhằm tìm kiếm nguyên nhân gây ra chiến tranh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, chính các chế độ tập quyền là nguyên nhân trực tiếp cho mọi cuộc chiến tranh. Nhưng cái gì làm cơ sở tinh thần cho các chế độ tập quyền? Câu trả lời thuyết phục nhất đã được đưa ra bởi chủ nghĩa tự do mới với vai trò tiên phong thuộc về Friedrich August von Hayek (1889 - 1992), người đã chứng minh rằng chính Kitô giáo cấu thành một trong những nguồn gốc quan trọng nhất tạo nên nền tảng tinh thần cho chính thể dân chủ: "... Hiện nay chỉ cần nói rằng chủ nghĩa cá nhân, có nguồn gốc từ Kitô giáo cùng với cả triết học cổ xưa, vào Thời đại Phục hưng đã được thể hiện trọn vẹn rồi đặt nền móng cho cái được gọi là nền Văn minh Tây Phương. Nó có đặc điểm chủ yếu là tôn trọng cá nhân như nó vốn là, nghĩa là trong sinh hoạt, dù đó có đặc thù đến đâu, mỗi người hoàn toàn có quyền giữ quan điểm riêng cũng như sở thích riêng và niềm tin rằng mỗi người cần phải phát triển những năng khiếu đã được ban cho bởi Tạo hóa"¹⁹. Kết quả này không chỉ cho thấy rõ ràng F. A. Hayek đối lập hẳn với J. J. Rousseau ít nhất trong vấn đề tôn giáo, mặc dù cả hai tác gia đó đều được xem như các nhà tự do chủ nghĩa, mà còn cho thấy chính Chính trị học đã mang lại cơ sở khách quan cho thần học nổi lên vào thế kỷ XX.

Theo Linh mục Michel Rondet, do không biết tìm nguồn cảm hứng ở nơi khác ngoài thần học mà vẫn bị giam hãm trong khuôn khổ lâu nay nên thần học Latinh kể từ thời Thánh Thomas chưa tìm ra được điều gì quan trọng để trình bày về Mầu nhiệm Ba Ngôi. Chính khoảng trống này sẽ được lấp đầy bởi thần học thế kỷ XX. Khác nhiều với các nhà thần học trước kia vốn chỉ đặt trọng tâm vào chú giải những tín điều thần bí về Mầu nhiệm Ba Ngôi, các nhà thần học ngày nay dồn mỗi bận tâm lớn vào tìm kiếm trong Mạc khải Kitô giáo chút ánh sáng có thể soi sáng cho những cuộc đấu tranh của nhân loại hiện nay nhằm xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn. Chính vì thế, khi đề cập đến Mầu nhiệm Ba Ngôi, trước hết họ không chỉ coi trọng việc làm thế nào để hiểu được tại sao Chúa vừa là

một vừa là ba hoặc ba ngôi vị quan hệ với nhau thế nào mà vẫn giữ được sự hiệp nhất. Quan trọng hơn nữa, họ đặt nặng việc tìm kiếm câu trả lời khả dĩ cho câu hỏi này: Nếu hiểu đức tin về Chúa Ba Ngôi dựa vào Kinh Thánh thì sẽ dẫn người ta đến những hậu quả nào trong đời sống cá nhân cũng như đời sống xã hội? Trong bối cảnh ấy, các Kitô hữu cảm thấy như niềm tin của mình bị chắt vắn ngay từ nội tâm. Chắt vắn vừa nhiều vừa say sưa đến mức tạo ra chủ nghĩa duy tân - một phong trào phản kháng từ nội bộ Giáo hội Công giáo đòi xét lại một số nền tảng cho khoa hộ giáo Kitô giáo để rồi sẽ bị khiển trách thậm tệ bởi Giáo triều Roma. Tuy nhiên, dù có bất phải dừng lại như thế, vẫn không ngăn cản được cả một trào lưu canh tân đối với Kinh Thánh, giáo phụ học và phụng vụ, chuẩn bị đưa người ta đến với Công đồng Vatican II²⁰.

Lấy Công đồng Vatican II làm mốc, người ta có thể phân chia thế kỷ XX thành hai giai đoạn khác nhau: giai đoạn chuẩn bị từ sau Thế Chiến I tới Công đồng Vatican II và giai đoạn thi hành từ sau Công đồng Vatican II trở đi. Trong giai đoạn chuẩn bị, thần học có các phong trào canh tân về Kinh Thánh, phụng vụ và xã hội, đem tới cái hiểu mới về bản chất của Giáo hội Công giáo. Trong giai đoạn thi hành, nhiều phong trào mới có ý định đem ra áp dụng các thúc đẩy và hướng dẫn của Công đồng Vatican II để giải quyết các thách đố lớn lao của thế giới hiện đại. Trong bối cảnh này, tầm quan trọng cao nhất đã được dành cho thần học giải phóng trong phạm vi hai hiến chế: “*Lumen Gentium*” và “*Gaudium et Spes*”.

3. Mẫu nhiệm Ba Ngôi theo quan điểm một số nhà thần học thế kỷ XX

Nói đến thần học thế kỷ XX, ngoài ảnh hưởng kéo dài từ Karl Barth (1886 - 1968) cùng với Hans Urs von Balthasar (1905 - 1988), không thể không nhắc đến bốn nhân vật nổi bật vừa đối lập với nhau vừa bổ túc cho nhau, đó là nhà thần học người Pháp, Joseph Moingt (sinh ngày 19/11/1915); nhà thần học Tin Lành người Đức, Jürgen Moltmann (sinh ngày 8/4/1926); nhà thần học người Brazil, Leonardo Boff (sinh ngày 14/12/1938); và Giám mục Công giáo người Italia, Bruno Forte (sinh ngày 1/8/1949). Tất cả các tác giả đó đều gây được nhiều ảnh hưởng lớn cho thần học đương đại²¹.

Thông qua *Chúa đến với nhân loại*, J. Moingt giúp người ta có cái nhìn mới về Chúa Jesus. Đâu đâu cũng thấy Chúa Ba Ngôi xuất hiện trong một viễn tượng rộng lớn hơn nhiều so với những gì chúng ta từng gặp thấy từ trước tới giờ ở các nhà thần học. “Vì thế, chúng ta sẽ tìm cách

triển khai Mầu nhiệm Ba Ngôi trong toàn bộ lịch sử cứu độ. Điều làm cho chúng ta quan tâm không phải là tìm cho biết những gì được thực hiện bởi Ba Ngôi, mà chính là Ba Ngôi đã trở nên như thế nào khi đến với chúng ta, khi cùng viết lên lịch sử với chúng ta, khi mang vào mình lịch sử tính, khi vì chúng ta mà trở thành lịch sử²². Như thế, Mầu nhiệm Nhập thể (cũng tức là chủ trương nhập thể hoặc đường lối dẫn thân, nói theo ngôn ngữ chính trị) được lấy làm trung tâm cho viễn tượng này để từ đó J. Moingt suy tư lại về toàn bộ lịch sử của Mầu nhiệm Ba Ngôi. Nói theo cách khác, người ta đã bước ra khỏi viễn tượng chỉ giới hạn Mầu nhiệm Nhập thể vào Chúa Con, tức Chúa Jesus. Hay dự tính tìm hiểu Chúa của Kitô giáo trong chính bản thân Chúa đã thất bại hoàn toàn, khi muốn tìm hiểu Chúa mà không liên hệ gì với nhân loại cũng như sứ mạng của nhân loại trong thế giới thụ tạo. “Vấn đề thật sự của chủ trương nhất thần Ba Ngôi [...] không liên quan tới lý thuyết về hữu thể, mà liên quan tới tương quan giữa Chúa với thế giới: một trong Ba Ngôi đã làm người, một ngôi khác đã đến ở cùng nhân loại, và Chúa Cha chính là đáng yêu thương nhân loại đến nỗi đã ban con một của mình”²³. J. Moingt còn trích dẫn K. Barth khi đề cập đến Chúa của các Kitô hữu: “Thần tính của Chúa không loại bỏ nhân tính, mà còn cưu mang nhân tính trong mình [...]. Chúa đã quyết định dứt khoát rằng từ nay Chúa không thể hiện hữu mà không có nhân loại”. Như vậy, không thể biết Chúa mà không liên hệ với kế hoạch của Chúa về nhân loại: không chỉ tạo nên nhân loại bằng việc sáng thế mà còn bảo tồn nhân loại bằng Mầu nhiệm Ba Ngôi. Tuy không nói ra rõ ràng như vậy nhưng dường như J. Moingt muốn nói ra như vậy.

Sau khi làm sáng tỏ “*périorèse*” (sự tương tại: tồn tại trong nhau hoặc tồn tại với nhau) giữa ba ngôi vị trong đức tin về Chúa Ba Ngôi, J. Moltmann đã thực hiện một bước nhảy ngoạn mục từ thần học thuần túy sang cái có thể được gọi là thần học chính trị. Tương ứng với chủ nghĩa nhân vị cộng đoàn được đề xướng bởi Emmanuel Mounier (1905 - 1950), J. Moltmann khẳng định sự mặc khải về Chúa Ba Ngôi còn được lấy làm nền tảng tối hậu cho sự tự do của nhân loại: “Không thể coi Chúa bất động và vô cảm là nền tảng làm nên sự tự do của nhân loại. Một lãnh chúa độc tài trên trời cao không thể nào khơi dậy sự tự do dưới hạ trần này. Chỉ có Chúa chịu khổ nạn và chỉ có Chúa biết đau khổ vì nhân loại qua chính sự khổ nạn của mình mới có thể khơi dậy sự tự do của nhân loại. Chúa đã ban cho sự tự do của nhân loại một không gian sinh tử có tầm cỡ của Chúa. Chúa Ba Ngôi đã thực hiện nước Trời

vinh quang ngay trong chính lịch sử tạo dựng, cứu chuộc và tôn vinh; Chúa ấy muốn nhân loại được tự do, Chúa ấy đã đặt nền móng cho sự tự do của nhân loại và đã không ngừng giải thoát nhân loại để nhân loại được tự do. Thần học về Chúa Ba Ngôi có dụng ý làm nền tảng cho một giáo lý rộng rãi hơn và đa dạng hơn về sự tự do”²⁴. Ông tin rằng: “Giáo lý Kitô giáo về Chúa Ba Ngôi đã đề xuất nhiều phương cách trí tuệ giúp tạo thăng bằng trong xã hội giữa cá thể tính với xã hội tính, mà không bắt bên nào phải hy sinh cho bên nào”²⁵. J. Moltmann xây dựng một lý thuyết lịch sử về Chúa Ba Ngôi dựa trên việc bác bỏ tính chất hoàn hảo vốn thuộc về Chúa với lý do rằng tính chất hoàn hảo loại trừ mọi sự biến đổi, cũng tức là loại trừ lịch sử. Chúa duy nhất, điều này sẽ không được giả định trước, không như một bản thể đồng nhất, cũng không như một chủ thể duy nhất, mà J. Moltmann sẽ tìm hiểu Chúa duy nhất qua chính lịch sử của Mẫu nhiệm Ba Ngôi. Ông tố cáo quan niệm nhất thần mang màu sắc chính trị, dựa vào hình ảnh về Chúa Toàn năng để đưa ra một quan niệm độc tài về quyền hành chính trị cùng với một nhãn quan xơ cứng về xã hội mang nặng tính chất phẩm trật: “Để tương ứng với hình ảnh về Chúa Ba Ngôi, chúng ta sẽ không chủ trương một vương quốc chuyên chế cho một vị vua, mà sẽ chủ trương một cộng đoàn bao gồm những con người không có đặc quyền đặc lợi, cũng chẳng nô lệ trực thuộc nhau. Cả ba ngôi vị đều chung với nhau trong tất cả, ngoại trừ những đặc tính riêng cho mỗi ngôi vị. Nếu thế, Chúa Ba Ngôi sẽ tương ứng với một cộng đoàn, nơi đó các ngôi vị sẽ được định nghĩa bằng tương quan giữa các ngôi vị với nhau, chứ không được định nghĩa bằng quyền năng và đặc tính riêng cho mỗi ngôi vị”²⁶. Trong số những gương mặt nổi bật đáng được kể trong thần học thế kỷ XX, có lẽ J. Moltmann dễ làm cho người ta liên tưởng với C. S. Montesquieu vốn đã đi sâu vào mối liên hệ giữa cơ cấu nhà nước với tự do cá nhân: “Nếu một người hay một tổ chức của quan chức, hoặc của quý tộc, hoặc của dân chúng mà nắm luôn cả ba thứ quyền lực khác nhau (lập pháp, hành pháp và tư pháp) thì tất cả sẽ bị mất hết”²⁷.

Cũng như J. Moltmann, L. Boff chỉ quan tâm làm sao trả lại tầm ảnh hưởng cho các chân lý của Kitô giáo đối với xã hội và chính trị. Ông lấy lại các chủ đề lớn từ J. Moltmann nhưng nhấn mạnh hơn tới sự duy nhất trong hiệp thông: “Có ba ngôi nhưng chỉ có một sự hiệp thông [...]. Đó chính là công thức đúng đắn nhất để hình dung Chúa của các Kitô hữu. Không có ngôi nào hiện hữu cho riêng mình. Các ngôi luôn luôn và mãi

mãi chỉ là các ngôi trong tương quan với nhau [...]. Thế nên, Chúa của Kitô giáo là Chúa luôn bước ra ngoài, luôn gặp gỡ, luôn hiệp thông với nhau, được liên kết với nhau do sự sống và tình yêu”²⁸. L. Boff tin rằng ba ngôi thể hiện sự duy nhất sinh động trong lịch sử bằng cách vừa tích hợp vừa thống nhất tất cả các thụ tạo cho đến khi Chúa hiện diện toàn vẹn trong mọi người, rằng sự duy nhất của ba ngôi cũng mời gọi chúng ta xây dựng một xã hội trở thành nơi để tham dự và hiệp thông, cũng như xây dựng một Giáo hội “ngày càng mang tính hiệp thông hơn phẩm trật, phục vụ hơn quyền bính, chuyển động theo vòng tròn hơn theo hình kim tự tháp, áp má thân mật hơn cúi chào thật sâu khi gặp bề trên”²⁹. Ông chủ trương thoát khỏi tư duy tư biện về Mầu nhiệm Ba Ngôi để nhập thể bằng chính mầu nhiệm đó: “Mầu nhiệm Ba Ngôi có cái gì đó rất liên quan với đời sống của mỗi người: liên quan với chính cuộc sống hằng ngày của mình, liên quan với nỗ lực sống theo lương tâm ngay thẳng, liên quan đến tình yêu và niềm vui của mình, liên quan đến cách chịu đựng cuộc khổ nạn của thế giới và những bi kịch của cuộc đời. Mầu nhiệm ấy cũng liên quan với cuộc đấu tranh của nhân loại nhằm tổ giác những bất công xã hội và nhằm xây dựng một sự chung sống thấm tình người và tình huynh đệ nhiều hơn, liên quan với những hy sinh và tử đạo thường hàm chứa trong dự phóng ấy. Nếu không đưa được Mầu nhiệm Ba Ngôi vào trong hành trình của cá nhân và xã hội ấy thì chúng ta sẽ không giới thiệu được mầu nhiệm cứu độ, mà cũng chẳng phúc âm hóa được thế giới một cách thỏa đáng. Nếu những người bị áp bức có đức tin mà hiểu ra được cuộc đấu tranh của họ cho cuộc sống và tự do cũng là những cuộc đấu tranh của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh thần, nhằm khai sinh ra Nước Trời và sự sống đời đời, thì chắc hẳn họ sẽ có lý do nhiều hơn để đấu tranh và kháng cự; những nỗ lực của họ sẽ trở nên có ý nghĩa tới mức phá vỡ được khung cảnh lịch sử tầm thường nhạt nhẽo để được vĩnh viễn ghi vào nơi sâu xa của mầu nhiệm trên hết mọi mầu nhiệm ấy”³⁰. Nhập thể theo quan niệm đó đã đặt L. Boff vào một vị trí nổi bật trong thần học giải phóng vốn được khởi xướng bởi Gustavo Gutiérrez (một linh mục người Peru, sinh ngày 8/6/1928 ở Lima). Tuy nhiên, L. Boff đã đẩy thần học giải phóng đi quá xa theo xu hướng cực đoan: vừa áp dụng máy móc phương pháp luận Marxist vừa phê phán sai lạc chủ nghĩa tự do mới. Thần học giải phóng có một xu hướng cực đoan đã từng thể hiện rõ ràng qua Linh mục Camilo Torres (1929 - 1966) chủ trương giải phóng người nghèo bằng bạo lực để rồi chính ông đã bị hạ sát bởi quân đội Columbia.

Dường như L. Boff bị ảnh hưởng bởi xu hướng đó khiến ông bị trừng phạt thích đáng bởi Giáo hoàng John Paul II (1920 - 2005).

Do bị sốc trước cảnh tượng các Kitô hữu ngày càng bàng quan với Mầu nhiệm Ba Ngôi nên B. Forte khởi sự nghiên cứu mầu nhiệm này theo một đường hướng khác tuy vẫn không thoát khỏi thần học giải phóng thuộc về xu hướng tích cực vốn đã được khởi xướng từ trước Công đồng Vatican II bởi J. Moltmann. B. Forte chủ trương “lấy chim bồ câu của Chúa Thánh thần thay thế chim ưng của thần Minerva”, chim bồ câu tượng trưng cho hòa bình đối lập với chim ưng tượng trưng cho bạo lực, lấy chim bồ câu của Chúa Thánh thần thay thế chim ưng của thần Minerva tức là lấy hòa bình thay thế cho bạo lực. Ý tưởng này bắt nguồn từ tinh thần bác ái vốn bao trùm toàn bộ Giáo lý Kitô giáo thể hiện cụ thể qua lời răn của Chúa Jesus: kẻ nào sử dụng đao kiếm sẽ bị chết bởi đao kiếm³¹. B. Forte kêu gọi từ bỏ viễn cảnh cổ điển của thần học Latinh vốn ưa đặt tính duy nhất về bản thể của Chúa lên trước sự khác biệt về ngôi vị của ba ngôi, để lấy lại thần học Hy Lạp về “*périchorèse*” (sự tương tại: tồn tại trong nhau hoặc tồn tại với nhau), tức là “Ba ngôi ở trong nhau làm thành một Chúa duy nhất, trong một dòng chuyển động phong phú tới bất tận của một tình yêu vĩnh cửu và duy nhất”³². Ông cho rằng, muốn bước vào Mầu nhiệm Ba Ngôi, người ta phải đi qua lịch sử cứu độ. Khẳng định đó bắt nguồn từ niềm tin rằng nếu Chúa Ba Ngôi nằm trong lịch sử của nhân loại thì nhân loại cũng nằm trong lịch sử của Chúa Ba Ngôi. Theo ông, chính trong cái chết và sự phục sinh của Chúa Jesus, mà ông coi là tâm điểm của lịch sử, người ta mới thấy rõ hơn bao giờ hết mặc khải về Mầu nhiệm Ba Ngôi: “Trên thánh giá, Chúa Con đã trao lại Thần Khí cho Chúa Cha để bước vào vực thẳm của tình trạng bị bỏ rơi. Nhưng trong biến cố phục sinh, Chúa Cha trao Thần Khí cho Chúa Con, trong Người và cùng với Người đưa cả thế giới vào hiệp thông với Chúa. Chúa Ba Ngôi hoạt động trên thánh giá và trong sự phục sinh chỉ có một, lịch sử Ba Ngôi cũng chỉ có một, kế hoạch cứu độ được thực hiện trong hai lần ấy cũng chỉ có một. Trong Mầu nhiệm Vượt qua, Chúa Jesus đã cho thấy hình ảnh vẹn toàn về cuộc sống của Ba Ngôi. Ba Ngôi khác biệt và hiệp thông với nhau thế nào, điều ấy được sáng tỏ trọn vẹn trong biến cố thập giá và phục sinh”³³.

Nói chung, một số nhà thần học nổi bật được trình bày vắn tắt ở đây, bằng cách này hay cách khác với nhiều mức độ khác nhau, đều góp phần

quan trọng làm cho thần học trở thành thần học chính trị. Thật ra, tôn giáo nào cũng mang tính chất chính trị tùy theo mức độ và khuynh hướng, Kitô giáo không phải ngoại lệ. Tuy trình bày thần học chính trị bằng một hệ thống tư tưởng chỉ đặc trưng cho thần học Kitô giáo lấy Mầu nhiệm Ba Ngôi làm trọng tâm với những xác quyết tư tưởng thường cực kỳ tối nghĩa đối với hầu hết người ngoại đạo hoặc thậm chí cũng rất mù mờ đối với ngay cả nhiều Kitô hữu nhưng những xác quyết thần học về Mầu nhiệm Ba Ngôi đã được thực hiện bởi chính họ chắc chắn phải mang một ý nghĩa nào đó đối với cả thần học lẫn chính trị học.

4. Kết luận

Đối với thần học, Mầu nhiệm Ba Ngôi khẳng định rằng cuộc sống vốn bấp bênh đầy bất định cần phải có một điểm tựa chắc chắn như *kiềng ba chân* cho người ta nương tựa để có thể tránh được sự dao động tinh thần mà vượt qua mọi khốn khó. Điểm tựa đó chính là Mầu nhiệm Ba Ngôi soi sáng cho người ta vững bước trong cuộc sống bấp bênh đầy bất định để có thể vượt qua mọi cám dỗ tội lỗi. Cũng chính Mầu nhiệm Ba Ngôi đã giải thích được tại sao Kitô giáo đã vượt qua được nhiều biến cố nghiêm trọng trong suốt chiều dài lịch sử của mình để trở thành tôn giáo lớn nhất bất chấp mọi nguy cơ nghiêm trọng đang đe dọa ở phía trước cũng như bất chấp mọi mối đe dọa cả bên ngoài lẫn bên trong, đồng thời cũng giải thích được tại sao phần đông Kitô hữu có sức chịu đựng phi thường để có thể vượt qua vô vàn đau khổ trong cuộc sống gian truân nhiều khi đầy bi thương của họ. Người ta có thể đặt ra một giả định nghiêm túc sau đây: Nếu mọi Kitô hữu đều đã được giải thoát khỏi mọi sự bách hại thì sao? Liệu họ có còn muốn bám chặt vào Mầu nhiệm Ba Ngôi? Câu trả lời đơn giản nhất sẽ được đưa ra: vẫn còn một thứ quan trọng nhất khiến người ta càng phải mãi mãi bám chặt vào Mầu nhiệm Ba Ngôi, đó là cái chết. Ai cũng sợ chết, chính vì sợ chết nên Kitô hữu càng bám chặt vào Mầu nhiệm Ba Ngôi để hy vọng sẽ được phục sinh sau khi chết, chính Mầu nhiệm Phục sinh đã ngụ ý như thế.

Đối với chính trị học, Mầu nhiệm Ba Ngôi có thể ngụ ý rằng ngay cả chính Giáo hội Kitô giáo, không chỉ riêng Giáo hội Công giáo, cũng cần phải được canh tân triệt để theo chiều hướng dân chủ hóa khiến người ta không thể tránh khỏi phải trả lời những câu hỏi hệ trọng sau đây: Tại sao Giáo hội Kitô giáo vẫn chưa được tổ chức theo Mầu nhiệm Ba Ngôi thành ba thiết chế khác nhau nhưng phải tồn tại trong nhau hoặc tồn tại

với nhau (Périchorèse): Hội đồng Giáo hội, Hội đồng Hồng y và Hội đồng Giám quản? Tại sao không thành lập Hội đồng Giáo hội bao gồm Hội đồng Giáo sỹ có nhiệm kỳ 6 hoặc 9 năm song hành với Hội đồng Giáo dân có nhiệm kỳ 2 hoặc 3 năm bằng cách bầu chọn trực tiếp những người thánh thiện nhất cho cả hai hội đồng đó để nhân danh Chúa Cha đưa ra các quyết định chung? Tại sao không thành lập Hội đồng Hồng y với một Giáo hoàng đứng đầu bằng cách bầu chọn trực tiếp một Hồng y thánh thiện nhất làm Giáo hoàng có nhiệm kỳ bằng nhiệm kỳ của Hội đồng Giáo dân cộng với nhiệm kỳ của Hội đồng Giáo sỹ rồi chia cho 2, tức là 4 hoặc 6 năm, để nhân danh Chúa Con, tức Chúa Jesus, thi hành các quyết định chung nhân danh Chúa Cha? Tại sao không thành lập Hội đồng Giám quản với số lượng thành viên ít hơn Hội đồng Giáo hội nhưng phải nhiều hơn Hội đồng Hồng y bằng cách bầu chọn trực tiếp những người thánh thiện nhất làm thành viên cho hội đồng đó để nhân danh Chúa Thánh thần ngăn chặn hành vi sai lầm trong Giáo hội Kitô giáo? Tại sao Giáo hội Kitô giáo vốn đại diện điển hình cho tinh thần bác ái, sau khi tiến bước qua việc tách khỏi nhà nước, lại có ít sự đổi mới trước tiến trình dân chủ hóa thế giới đang diễn biến nhanh chóng như hiện nay?... Sâu xa hơn, Mẫu nhiệm Ba Ngôi có thể xác lập nền tảng tinh thần cho nguyên tắc phân quyền để tổ chức xã hội theo chính thể dân chủ như đã được chứng minh rõ ràng bởi F. A. Hayek cũng như C. S. Montesquieu. Nguyên tắc phân quyền cho phép ngăn chặn tình trạng lạm quyền đồng thời ngăn ngừa sự xung đột xã hội, cũng tức là ngăn chặn chiến tranh hoặc duy trì hòa bình để nhân loại được bảo tồn khỏi bị diệt vong. Sự thể đó có thể đã giải thích được tại sao nhiều quốc gia Tây Phương đã tiến rất xa trên con đường văn minh.

Với bài viết này, tác giả tin Mẫu nhiệm Ba Ngôi cũng ngụ ý rằng, việc canh tân triệt để Giáo hội Kitô giáo theo chiều hướng dân chủ hóa sẽ không chỉ đưa Kitô giáo đến đại kết mà còn góp phần quan trọng vào dân chủ hóa thế giới nhằm bảo tồn nhân loại./.

CHÚ THÍCH:

- 1 *Dấu Thánh giá* (http://vi.wikipedia.org/wiki/Dấu_Thánh_Giá). Truy cập ngày 7/5/2015.
- 2 *Kinh Tin kính* (http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Tin_Kính). Truy cập ngày 7/5/2015.

- 3 Linh mục Micae Trần Đình Quảng, Thiên Chúa Ba Ngôi – Suy tư của Augustin trong tác phẩm De Trinitate, <http://simonhoadalat.com/hochoi/thanhhoc/detrinitate.htm>. Truy cập ngày 7/5/2015.
- 4 Hans Küng (2010), *Great Christian Thinkers*, Bản dịch Việt ngữ: *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo*, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 176 - 180.
- 5 George Soros (1999), *Khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu*, Bản dịch Việt ngữ, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 209.
- 6 Charles de Secondat Montesquieu (Hoàng Thanh Đạm dịch, 1996), *De l'Esprit des Lois* (Tinh thần Pháp luật), Quyển XI, Chương 6: *Hiến pháp Anh quốc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 100 - 113. Nxb. Lý luận Chính trị tái bản năm 2006: 105 - 121.
- 7 Luigi Accattoli, *Khi Đức Giáo hoàng ngó lời xin lỗi*. Albin Michel. Tài liệu này đã được phổ biến bằng Việt ngữ tại Việt Nam nhưng không ghi năm xuất bản. Tuy không chỉ ra rõ ràng mâu thuẫn giữa Giáo lý Kitô giáo với mọi nền chuyên chế nói chung nhưng tài liệu này có thể mang lại lợi ích đáng kể cho việc đó.
- 8 Jean-Jacques Rousseau (Hoàng Thanh Đạm dịch, 1920), *Bàn về Khế ước xã hội*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh: 193 (nên xem cả *Chương VIII* trong *Quyển Bốn* từ tr. 184 - 197), Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2006: 239 - 240 (nên xem lại cả *Chương VIII* trong *Quyển Bốn* từ tr. 229 - 243).
- 9 Howard Falcon - Lang: *Lý thuyết mới về tiến hóa*
http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2010/08/100824_space_evolution.shtml
Truy cập ngày 7/5/2015.
- 10 Charles Darwin, *Origin of Species*, fourth British edition (1866), p. 577. Nguyên văn tiếng Anh: There is grandeur in this view of life, with its several powers, having been originally breathed by the Creator into a few forms or into one; and that, whilst this planet has gone cycling on according to the fixed law of gravity, from so simple a beginning endless forms most beautiful and most wonderful have been, and are being, evolved.
<http://darwin-online.org.uk/Variorum/1866/1866-577-c-1859.html>. Truy cập ngày 7/5/2015. Để hiểu được rõ ràng hơn, có thể xem thêm Lê Anh Huy, *Quan điểm siêu hình của Darwin*, <http://www.banluan.com/science/anhhuu-writings.html>. Truy cập ngày 7/5/2015.
- 11 Robert B. Downs (1970), *Books that Changed the World*, bản Việt ngữ: *Những tác phẩm làm biến đổi thế giới*, Nxb. Văn Đàn, Sài Gòn. Tác phẩm thứ mười bốn: *Charles Darwin với nguồn gốc các loài* từ tr. 325 - 351. Vũ Đình Phòng và Lê Huy Hòa (biên tập rút gọn, 1999), *Những luận thuyết nổi tiếng thế giới*, Luận thuyết thứ mười bốn: *Charles Darwin với nguồn gốc các loài*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 302 - 326.
- 12 Alexis de Tocqueville (1981), *De la Démocratie en Amérique*, G. F. Flammarion, 1981. Phạm Toàn dịch (2013), *Nền Dân trị ở Mỹ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội. Phần III, từ tr. 469 - 557.
- 13 Bác sỹ Phùng Văn Hạnh, *Louis Pasteur - Nhà bác học thiên tài - Một tâm hồn khiêm tốn*
(http://menchuayeunguoi.com/index.php?option=com_content&view=article&id=3656:con-ngi-ch-v-i-khi-cu-nguyn-louis-pasteur-nha-bac-hc-thien-tai-mot-tam-hon-khiem-ton-va-cau-nguyen&catid=140:tai-liu-vn-th-ngh)

- thut&Itemid=370). Truy cập ngày 7/5/2015. Trang này không nhắc đến Bác sỹ Phùng Văn Hạnh nhưng tác giả này được nhắc đến nhiều ở các trang khác.
- 14 Albert Einstein (2011), *Thế giới như tôi thấy*, Bản dịch Việt ngữ, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 24 - 25. Có thể xem thêm: Tác phẩm thứ mười sáu: *Albert Einstein với Tương đối luận* trong Robert B. Downs (1970), *Books that Changed the World* (Những tác phẩm làm biến đổi thế giới), Việt ngữ từ tr. 382 - 399, Nxb. Văn Đàn, Sài Gòn. Đoạn trích trên ở tr. 397 - 398. Vũ Đình Phòng và Lê Huy Hòa (biên tập rút gọn, 1999), *Những luận thuyết nổi tiếng thế giới*, Luận thuyết thứ mười sáu: *Albert Einstein với Tương đối luận*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội: 352 - 369. Đoạn trích trên ở tr. 367 - 368.
 - 15 F. David Pear (2011), *Từ xác định đến bất định - Những câu chuyện về khoa học và tư tưởng trong thế kỷ XX*, bản Việt ngữ, Nxb. Tri thức, Hà Nội: 416. Nên xem từ tr. 387 - 426, hoặc có thể xem cả Chương 2: *Định lý Gödel và tính bất toàn*, từ tr. 61 - 101.
 - 16 Perry Marshall, *Định lý Bất toàn - Khám phá toán học số 1 trong thế kỷ XX*, Book Hunter Club, <http://bookhunterclub.com/dinh-ly-bat-toan-cua-godel-kham-pha-toan-hoc-1-trong-ky-20>, truy cập ngày 26/6/2015.
 - 17 F. David Pear (2011), *Từ xác định đến bất định - Những câu chuyện về khoa học và tư tưởng trong thế kỷ XX*, sđd: 423. Nên xem từ tr. 387 - 426, trong đó, đáng chú ý: *Ý nghĩa và tầm vóc của Định lý Bất toàn*, từ tr. 420 - 425, hoặc có thể xem cả Chương 2: *Định lý Gödel và tính bất toàn*, từ tr. 61 - 101. Ngoài ra, cũng rất nên xem: *Ý nghĩa và tầm vóc của Định lý Bất toàn*, <http://kkhtn.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/94/1022/y-nghia-va-tam-voc-cua-dinh-ly-bat-toan>, truy cập ngày 26/6/2015.
 - 18 Như chú thích 17.
 - 19 Friedrich August von Hayek (Phạm Nguyên Trường dịch, 2008), *The Road to Serfdom* (Đường về Nô lệ), Nxb. Tri thức, Hà Nội: 71.
 - 20 Michel Rondet (2010), *La Trinité Racontée* (Tường thuật Mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi), Câu lạc bộ Dịch thuật trực thuộc Đại chủng viện Hà Nội, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 77 - 79.
 - 21 Michel Rondet (2010), *La Trinité Racontée* (Tường thuật Mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi), Câu lạc bộ Dịch thuật trực thuộc Đại chủng viện Hà Nội, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 81 - 97.
 - 22 Joseph Moingt, *Dieu qui vient à l'homme* (Chúa đến với nhân loại), op. cit., t.2, p. 198. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 95.
 - 23 Joseph Moingt, *Dieu qui vient à l'homme* (Chúa đến với nhân loại), sđd: 95 - 96.
 - 24 Jürgen Moltmann, *Trinité et Royaume de Dieu* (Ba Ngôi và Nước Chúa), éd. du Cerf, 1984: 27. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 88.
 - 25 Jürgen Moltmann, *Trinité et Royaume de Dieu* (Ba Ngôi và Nước Chúa), éd. du Cerf, 1984: 240. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 87.
 - 26 Jürgen Moltmann, *Trinité et Royaume de Dieu* (Ba Ngôi và Nước Chúa), éd. du Cerf, 1984: 249. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 87.

- 27 Charles de Secondat Montesquieu (Hoàng Thanh Đạm dịch, 1996), *De l'Esprit des Lois* (Tinh thần Pháp luật), Quyển XI, Chương 6: *Hiến pháp Anh quốc*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội: 101. Tốt hơn nên đọc hết cả chương này từ tr. 100 - 113. Có thể xem thêm ấn bản Việt ngữ được tái bản bởi Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2006: 106. Tốt nhất nên đọc cả chương này từ tr. 105 - 121.
- 28 Leonardo Boff, *Trinité et Société* (Chúa Ba Ngôi và Xã hội), éd. du Cerf, 1990: 157 - 159. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 89.
- 29 Leonardo Boff, *Trinité et Société* (Chúa Ba Ngôi và Xã hội), éd. du Cerf, 1990: 180. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 89 - 90.
- 30 Leonardo Boff, *Trinité et Société* (Chúa Ba Ngôi và Xã hội), éd. du Cerf, 1990: 184. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 90.
- 31 Kinh thánh Toàn bộ: *Tân Ước*, Việt ngữ, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2003: Matthew 26 - 52, tr. 1324; Luca 22 - 51, tr. 1388; Johan 18 - 11, tr. 1417.
- 32 Bruno Forte, *La Trinité comme histoire* (Mầu nhiệm Ba Ngôi như trong lịch sử), éd. Nouvelle Cité, 1989: 19. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 92.
- 33 Bruno Forte, *La Trinité comme histoire* (Mầu nhiệm Ba Ngôi như trong lịch sử), éd. Nouvelle Cité 1989: 44 - 45. Linh mục Michel Rondet trích dẫn trong *La Trinité Racontée*, sđd: 93.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luigi Accattoli, *Khi Đức Giáo hoàng ngó lời xin lỗi*. Albin Michel. Tài liệu này đã được phổ biến bằng Việt ngữ tại Việt Nam nhưng không ghi năm xuất bản.
2. Charles Darwin, *Origin of Species*, fourth British edition (1866), page 577. <http://darwin-online.org.uk/Variorum/1866/1866-577-c-1859.html>. Truy cập ngày 7/5/2015.
3. Robert B. Downs (1970), *Những tác phẩm làm biến đổi thế giới*, Nxb. Văn Đàn, Sài Gòn.
4. Albert Einstein (2011), *Thế giới như tôi thấy*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
5. Bác sỹ Phùng Văn Hạnh, *Louis Pasteur - Nhà bác học thiên tài - Một tâm hồn khiêm tốn* (http://menchuayeunguoi.com/index.php?option=com_content&view=article&id=3656:con-ngi-ch-v-i-khi-cu-nguyn-louis-pasteur-nha-bac-hc-thien-tai-mot-tam-hon-khiem-ton-va-cau-nguyen&catid=140:tai-liu-vn-th-ngh-thut&Itemid=370). Truy cập ngày 7/5/2015.
6. Friedrich August von Hayek (Phạm Nguyên Trường dịch, 2008), *The Road to Serfdom* (Đường về Nô lệ), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
7. Lê Anh Huy, *Quan điểm siêu hình của Darwin* <http://www.banluan.com/science/anh-huy-writings.html>. Truy cập ngày 7/5/2015.
8. http://vi.wikipedia.org/wiki/Dấu_Thánh_Giá. Truy cập ngày 7/5/2015.
9. http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_Tin_Kính. Truy cập ngày 7/5/2015.
10. *Kinh thánh Toàn bộ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2003.

11. Hans Küng (2010), *Các nhà tư tưởng lớn của Kitô giáo* (Great Christian Thinkers), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
12. Howard Falcon - Lang: *Lý thuyết mới về tiến hóa*
http://www.bbc.co.uk/vietnamese/world/2010/08/100824_space_evolution.shtm.
 Truy cập ngày 7/5/2015.
13. Charles de Secondat Montesquieu (Hoàng Thanh Đạm dịch, 1996), *De l'Esprit des Lois* (Tinh thần Pháp luật), Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
14. Charles de Secondat Montesquieu (Hoàng Thanh Đạm dịch, 2006), *De l'Esprit des Lois* (Tinh thần Pháp luật), Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
15. Vũ Đình Phòng và Lê Huy Hòa (biên tập rút gọn, 1999), *Những luận thuyết nổi tiếng thế giới*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
16. Linh mục Micae Trần Đình Quảng, Thiên Chúa Ba Ngôi – Suy tư của Augustin trong tác phẩm De Trinitate,
<http://simonhoadalat.com/hochoi/thanhhoc/detrinitate.htm>. Truy cập ngày 7/5/2015.
17. Michel Rondet (2010), *La Trinité Racontée*. Bản dịch Việt ngữ được thực hiện bởi Câu lạc bộ Dịch thuật trực thuộc Đại chủng viện Hà nội: *Tường thuật Mẫu nhiệm Thiên Chúa Ba Ngôi*. Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
18. Jean-Jacques Rousseau (Hoàng Thanh Đạm dịch, 1992), *Bàn về Khế ước xã hội*. Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
19. Jean-Jacques Rousseau (Hoàng Thanh Đạm dịch, 2006), *Bàn về Khế ước Xã hội*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
20. George Soros (1999), *Khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản toàn cầu*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Alexis de Tocqueville (1981), *De la Démocratie en Amérique*, G. F. Flammarion. Phạm Toàn (dịch, 2013), *Nền Dân trị ở Mỹ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

Abstract

THE MYSTERY OF THE TRINITY IN THE TRANSFERENCE OF THE CHRISTIAN THEOLOGY

According to the Bible, there is only one God, yet, somehow, there are Three Persons in the God. Three Persons are different from each other by their role and function, but they have the same nature, substance and being. That is the mystery of the Trinity. This is a major question for the sciences as well as the theology along the history of Christianity. This text examined the Trinity's mystery in both aspects and it also explains why God has a Trinity in unity.

Keywords: Christianity, church, logic, mystery, theology, Trinity.